TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 01 – 2021
(V/việc không công nhận vợ chồng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Xuân Trúc
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Cúc
Ông Võ Sĩ Hùng

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Phong – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 472/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L; Sinh năm: 1971
ĐKNKTT: Nhà không số, C, khóm 6, phường 9, thành phố C, tỉnh M.
Tạm trú: Số 34A, K, khóm 7, phường 7, thành phố C, tỉnh M. (Có mặt)
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bảo A; Sinh năm: 1981
Địa chỉ: Nhà không số, C, khóm 6, phường 9, thành phố C, tỉnh M. (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị L và anh A sống chung vào năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống anh, chị không hòa hợp nên thường xuyên bất đồng quan điểm sống, vì vậy anh chị đã sống ly thân nhau khoảng 03 năm nay. Nay chị L và anh A xác định mâu thuẩn trầm trọng đời sống chung không còn hạnh phúc nên thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Chị L và anh A xác định có 01 con chung tên Nguyễn Bảo Khang, sinh ngày 10/10/2010, hiện đang sống chung với chị L. Khi ly hôn anh, chị thống nhất giao cháu Khang cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh A cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Chị L và anh A xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L, anh A xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 14, 15, 51, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do chị L, anh A không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị L và anh A là vợ chồng; Về con chung giao Nguyễn Bảo Khang, sinh ngày 10/10/2010 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Bảo A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1000.000đ cho đến khi cháu Khang đủ 18 tuổi; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L đối với anh Nguyễn Bảo A được xác định là tranh chấp về việc xin không công nhận vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng anh Nguyễn Bảo A xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vắng mặt anh An.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L thấy rằng chị L và anh A sống chung với nhau từ năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được, hiện đã sống ly thân nhau. Hiện chị L và anh A đều xác định đời sống chung không còn hạnh phúc nên cả hai thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng. Theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình trong trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, khi có yêu cầu ly hôn, chấm dứt hôn nhân thì Tòa án thụ lý, giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Bảo An.

[3] Về con chung: Chị L và anh A xác định có 01 con chung tên Nguyễn Bảo Khang, sinh ngày 10/10/2010, hiện đang sống chung với chị L. Khi ly hôn anh, chị thống nhất giao cháu Khang cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy cháu Khang từ trước đến nay là do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu, đồng thời nguyện vọng của cháu cũng muốn được sống với mẹ (chị L) nên cần tiếp tiếp tục giao cháu Khang cho chị L nuôi dưỡng để không làm xáo trộn cuộc sống và tâm lý của cháu, vì vậy chấp nhận sự thỏa thuận của chị L và anh A là giao cháu Khang cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh A thỏa thuận mức cấp dưỡng theo quy định là 1.000.000đ/tháng. Xét sự thỏa thuận của chị L, anh A phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Anh A không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị L, anh A xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị L, anh A xác định không có.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị L nộp theo quy định. Án phí cấp dưỡng nuôi con, anh A nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 36, 39, 144, điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Bảo A.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo Khang, sinh ngày 10/10/2010 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Bảo A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Khang đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, anh Nguyễn Bảo A có trách nhiệm thi hành khoản tiền nêu trên. Nếu chưa thi hành xong theo thoả thuận thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Anh Nguyễn Bảo A không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị L nộp 300.000đ. Vào ngày 21 tháng 9 năm 2020, chị đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0002394 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được đối trừ nộp ngân sách nhà nước, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Bảo A phải nộp 300.000đ (Chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu VT, lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Xuân Trúc